|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BTP  *(DỰ THẢO)* | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng**

*Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;*

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về tập sự hành nghề công chứng và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng; quản lý tập sự hành nghề công chứng; xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề công chứng và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

2. Thông tư này áp dụng đối với người tập sự hành nghề công chứng, người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, công chứng viên hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên, cơ quan quản lý nhà nước về công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II**

**TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

***Điều 2. Tiếp nhận người tập sự hành nghề công chứng***

*1. Người đủ điều kiện tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật Công chứng lựa chọn và thoả thuận với một tổ chức hành nghề công chứng về việc nhận tập sự. Danh sách tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự được Sở Tư pháp công bố theo quy định tại Điều 31 của Thông tư này.*

*2. Trong trường hợp người đủ điều kiện tập sự đã liên hệ ít nhất là 03 tổ chức hành nghề công chứng nhưng không được nhận vào tập sự thì gửi Giấy đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự (mẫu TP-TSCC-01).*

*Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự và thông báo cho người đề nghị; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

*3. Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cử công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận vào Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng của người đủ điều kiện tập sự.*

**Điều 3. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng**

1. Người *đủ điều kiện* tập sự nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký tập sự trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02);

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng *hoặc Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài* (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp *ra quyết định* ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách người tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp (sau đây gọi là Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp), đồng thời *gửi quyết định* cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự:

a) Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định *của Luật Công chứng*;

b) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

*c) Người đang hành nghề luật sư, đấu giá viên, thừa phát lại; đang làm việc theo hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.*

3. Người được ghi tên vào Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp được gọi là người tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là người tập sự). Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này.

**Điều 4. Thời gian tập sự hành nghề công chứng**

1. Thời gian tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là thời gian tập sự) quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Công chứng được tính từ ngày *quyết định* ghi tên *người tập sự* vào Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp *có hiệu lực; trường hợp người tập sự không bắt đầu tập sự từ ngày này thì Sở Tư pháp căn cứ vào văn bản giải trình của người tập sự để xem xét, quyết định việc ban hành quyết định mới về việc ghi tên người tập sự vào Danh sách người tập sự hoặc quyết định xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự*

2. Trong trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này thì thời gian tập sự được tính bằng tổng thời gian tập sự của người đó tại các tổ chức hành nghề công chứng.

Tổng thời gian tập sự được tính khi người tập sự có thời gian tập sự tại mỗi tổ chức hành nghề công chứng ít nhất là 03 tháng.

*3. Trường hợp do tình hình dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng khác mà việc tập sự bị không thực hiện được thì thời gian đó không được tính vào thời gian tập sự.*

**Điều 5. Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng**

1. Người tập sự được thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi, giải thể theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn đủ các điều kiện nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng;

c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự chết, vì lý do sức khỏe hoặc lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự hoặc công chứng viên hướng dẫn tập sự không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 12 của Thông tư này và tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự;

d) Người tập sự thay đổi nơi cư trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác *và có nguyện vọng thay đổi nơi tập sự;*

*đ) Người tập sự là viên chức của Phòng công chứng được điều động đến Phòng công chứng khác không phải nơi đang tập sự;*

*e) Người tập sự không thuộc các trường hợp nêu trên nhưng có nguyện vọng thay đổi nơi tập sự thì được thay đổi một lần trong cả quá trình tập sự.*

*2. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, người tập sự thỏa thuận với một tổ chức hành nghề công chứng khác để tập sự và gửi giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Giấy đề nghị phải nêu rõ lý do thay đổi nơi tập sự, có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về thời gian, số lần và lý do tạm ngừng tập sự (nếu có) và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình và xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc nhận tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.*

*Trong trường hợp người tập sự không thỏa thuận được với tổ chức hành nghề công chứng khác thì đề nghị Sở Tư pháp chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng để tiếp tục tập sự. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của người tập sự, Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận người tập sự và cử công chứng viên hướng dẫn tập sự và thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.*

*Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, người tập sự phải tự thỏa thuận với một tổ chức hành nghề công chứng khác để tập sự và gửi giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự đến Sở Tư pháp theo quy định nêu trên.*

3. Trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì gửi giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Giấy đề nghị phải nêu rõ lý do thay đổi nơi tập sự, có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về thời gian, số lần tạm ngừng tập sự (nếu có) và việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và người tập sự về việc rút tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp, đồng thời xác nhận thời gian tập sự, nơi tập sự và số lần *và lý do* tạm ngừng tập sự (nếu có) của người tập sự tại địa phương mình; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. Người tập sự đăng ký tập sự tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng mà mình chuyển đến theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này để tiếp tục việc tập sự; hồ sơ đăng ký tập sự phải kèm theo thông báo bằng văn bản của Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự trước đó theo quy định tại khoản này.

**Điều 6. Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng**

1. *Các trường hợp tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng:*

*a) Người tập sự vì lý do sức khỏe hoặc* lý do chính đáng khác cần tạm ngừng tập sự và có thông báo bằng văn bản với tổ chức hành nghề công chứng nơi mình đang tập sự chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng tập sự;

*b) Người tập sự bị truy cứu trách nhiệm hình sự;*

*c) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải tạm ngừng hoạt động vì lý do khách quan hoặc công chứng viên hướng dẫn tập sự phải tạm dừng việc hướng dẫn tập sự mà người tập sự không đề nghị thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự hoặc thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.*

2. Người có thời gian tập sự hành nghề công chứng là 12 tháng thì được tạm ngừng tập sự tối đa là hai lần, mỗi lần không quá 06 tháng; người có thời gian tập sự hành nghề công chứng là 06 tháng thì được tạm ngừng tập sự một lần không quá 06 tháng.

3. Thời gian tạm ngừng tập sự không được tính vào thời gian tập sự hành nghề công chứng.

Thời gian tập sự trước khi tạm ngừng tập sự được tính vào tổng thời gian tập sự hành nghề công chứng, trừ trường hợp phải đăng ký tập sự lại theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư này.

**Điều 7. Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng**

1. *Việc tập sự chấm dứt khi* người tập sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự chấm dứt tập sự;

b) Được tuyển dụng là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Không còn thường trú tại Việt Nam;

*d) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;*

đ) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

e) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

g) Tạm ngừng tập sự quá số lần quy định hoặc đã hết thời hạn tạm ngừng tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này mà không tiếp tục tập sự;

h) Bị xóa tên khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Thông tư này;

i) Thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng tại thời điểm đăng ký tập sự.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người tập sự chấm dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, *g và k* khoản 1 Điều này, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải báo cáo Sở Tư pháp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp ra quyết định về việc chấm dứt tập sự và xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp.

Quyết định chấm dứt tập sự được gửi cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và *được cập nhật thông tin trên phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng của Bộ Tư pháp*.

3. Người đã chấm dứt tập sự hành nghề công chứng được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định tại Thông tư này và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Lý do chấm dứt tập sự quy định tại các điểm a, b, c, *h và k* khoản 1 Điều này không còn;

b) Đã chấp hành xong bản án, trừ trường hợp bị kết án về tội phạm do cố ý;

c) Đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Sau thời hạn 02 năm, kể từ ngày quyết định của Sở Tư pháp về việc xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Thông tư này có hiệu lực.

Hồ sơ và thủ tục đăng ký tập sự lại được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

4. Thời gian tập sự trước khi chấm dứt tập sự quy định tại khoản 1 Điều này không được tính vào thời gian tập sự hành nghề công chứng.

**Điều 8. Nội dung tập sự hành nghề công chứng**

1. Nội dung tập sự hành nghề công chứng bao gồm kỹ năng hành nghề công chứng và các công việc liên quan đến công chứng sau đây:

a) Kỹ năng tiếp nhận, phân loại yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của các giấy tờ có trong hồ sơ yêu cầu công chứng; kỹ năng xem xét, nhận dạng chủ thể, năng lực hành vi dân sự của người tham gia ký kết hợp đồng, giao dịch;

b) Kỹ năng ứng xử với người yêu cầu công chứng, ứng xử theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; kỹ năng giải thích cho người yêu cầu công chứng *về* quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng; kỹ năng giải thích lý do khi từ chối yêu cầu công chứng;

c) Kỹ năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng;

d) Kỹ năng soạn thảo hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng; kỹ năng kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của dự thảo hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn; kỹ năng xác minh;

đ) Kỹ năng công chứng bản dịch; kỹ năng chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản;

e) Kỹ năng soạn thảo lời chứng;

g) Kiểm tra, sắp xếp, phân loại hồ sơ đã được công chứng, chứng thực để đưa vào lưu trữ;

h) Các kỹ năng và công việc liên quan đến công chứng khác theo sự phân công của công chứng viên hướng dẫn tập sự.

2. Công chứng viên hướng dẫn tập sự hướng dẫn người tập sự thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này; đối với người có thời gian tập sự là 06 tháng thì công chứng viên hướng dẫn tập sự thống nhất với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về thời lượng và nội dung tập sự phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 9. *Nhật ký tập sự,* Báo cáo *quá trình* tập sự hành nghề công chứng**

1. *Người tập sự lập Nhật ký tập sự hành nghề luật sư theo mẫu quy định tại Thông tư này (Mẫu TP-TSCC-03) để ghi chép các công việc thuộc nội dung tập sự mà mình thực hiện trong thời gian tập sự. Sổ nhật ký tập sự có xác nhận hàng tuần của công chứng viên hướng dẫn và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự.*

2. *Khi hoàn thành thời gian tập sự, người tập sự có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về quá trình tập sự theo mẫu quy định tại Thông tư này (Mẫu TP-TSCC-04) cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Báo cáo quá trình tập sự* phải có nhận xét, *chữ ký* của công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

*Báo cáo quá trình tập sự nộp sau thời hạn quy định mà không có lý do chính đáng; Báo cáo không đủ số trang tối thiểu, không có nội dung theo quy định, không thể hiện được quá trình tập sự hoặc sao chép Báo cáo của người khác, xác nhận sai về thời gian, kết quả tập sự hoặc có các nội dung gian dối khác là các báo cáo không đạt yêu cầu và không được xem xét công nhận hoàn thành tập sự.*

***Điều 10. Hoàn thành tập sự hành nghề công chứng***

*1.* Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, người tập sự phải nộp báo cáo *quá trình* tập sự, *nhật ký tập sự* cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự *để được công nhận nhận hoàn thành tập sự. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được nhật ký tập sự, báo cáo kết quả tập sự, Sở Tư pháp ra quyết định công nhận hoàn thành tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.*

*2. Điều kiện để được công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng:*

*a) Có đủ điều kiện đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật Công chứng và không thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự theo quy định của Thông tư này.*

*b) Hoàn thành thời gian tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.*

*c) Có báo cáo quá trình tập sự, nhật ký tập sự theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này*

*3. Người đã được công nhận hoàn thành tập sự mà bị phát hiện không đáp ứng điều kiện tập sự tại thời điểm đăng ký hoặc trong quá trình tập sự thì bị hủy kết quả tập sự đã được công nhận.*

**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người tập sự**

1. Người tập sự có các quyền sau đây:

a) Được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạo điều kiện thực hiện nội dung tập sự theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này; *được thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;*

b) Được công chứng viên hướng dẫn tập sự hướng dẫn các nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự;

c) Được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 18 của Thông tư này;

d) Các quyền khác theo thoả thuận với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Người tập sự có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Tuân theo nội quy, quy chế của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

c) Thực hiện các công việc thuộc nội dung tập sự quy định tại Điều 8 của Thông tư này theo sự phân công của công chứng viên hướng dẫn tập sự;

*d) Đảm bảo thời gian tập sự ít nhất là 4 giờ mỗi ngày/theo ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;*

đ) Chịu trách nhiệm trước công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về kết quả và tiến độ của các công việc được phân công;

e) Giữ bí mật thông tin về nội dung công chứng và các thông tin có liên quan mà mình biết được trong quá trình tập sự;

*g) Đề nghị thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong các trường hợp quy định tại Điều 13 của Thông tư này;*

*h)* Các nghĩa vụ khác theo *quy định của Thông tư này hoặc theo* thoả thuận với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự**

1. Hướng dẫn người tập sự các nội dung tập sự theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các công việc của người tập sự do mình phân công.

3. Nhận xét về quá trình tập sự hành nghề công chứng của người tập sự, trong đó nêu rõ ưu điểm, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề, cách thức ứng xử theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự.

4. Chịu trách nhiệm về kết quả và tiến độ của các công việc mà người tập sự thực hiện theo sự phân công, hướng dẫn của mình.

*5. Từ chối hướng dẫn tập sự hoặc từ chối tiếp tục hướng dẫn tập sự theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.*

**Điều 13. Từ chối hướng dẫn tập sự**

1.Công chứng viên phải từ chối hướng dẫn tập sự trong trường hợp không đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật Công chứng hoặc có lý do chính đáng khác; *trường hợp đang hướng dẫn mà không còn đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì phải từ chối tiếp tục hướng dẫn tập sự.*

2. Công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự *hoặc từ chối tiếp tục hướng dẫn tập sự* theo quy định tại khoản 1 Điều này phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phân công một công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự và cử công chứng viên hướng dẫn tập sự; trường hợp không có tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người tập sự.

**Điều 14. Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự**

1. Công chứng viên hướng dẫn tập sự *bị thay đổi khi thuộc một* trong các trường hợp sau đây:

a) *Không còn đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định của Luật Công chứng.*

b) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 12 của Thông tư này.

*c)* Chết, *mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sư, có khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi* hoặc vì lý do *bất khả kháng* khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự;

*d) Bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng.*

2. Khi công chứng viên hướng dẫn tập sự *thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này,* tổ chức hành nghề công chứng phân công một công chứng viên đủ điều kiện khác tiếp tục hướng dẫn người tập sự và thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp.

Trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận Người tập sự và cử công chứng viên hướng dẫn tập sự.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự**

1. Phân công công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó; *thường xuyên theo dõi có giải pháp kịp thời trong trường hợp công chứng viên không còn đủ điều kiện hướng dẫn tập sự hoặc người tập sự không còn đủ điều kiện tập sự*.

*2. Được thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng lao động với người tập sự; tạo điều kiện thuận lợi cho người tập sự và công chứng viên hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình;*

3. Xem xét, quyết định việc công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự, việc thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự;

5. Quản lý người tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình; thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp chậm nhất là 05 ngày sau ngày người tập sự tạm ngừng tập sự; theo dõi, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự; bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự; hòa giải tranh chấp giữa công chứng viên hướng dẫn tập sự và người tập sự.

6. Báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp về việc nhận và hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình theo định kỳ hàng năm.

Báo cáo gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng người tập sự;

b) Đánh giá chất lượng tập sự của người tập sự;

c) Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng, người tập sự và trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn tập sự theo quy định của Thông tư này;

d) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình nhận tập sự (nếu có) và đề xuất, kiến nghị.

7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với người tập sự hoặc theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ** **CÔNG CHỨNG**

**Điều 16. Nội dung và hình thức kiểm tra**

1. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Pháp luật về công chứng, chứng thực; Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

*b) Pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình, đất đai, nhà ở, doanh nghiệp, kinh doanh bất động và các quy định pháp luật khác có liên quan;*

c) Kỹ năng hành nghề công chứng.

2. Hình thức kiểm tra bao gồm:

***Phương án 1: Kiểm tra viết và kiểm tra vấn đáp.***

a) Bài kiểm tra viết: Kiểm tra các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Thời gian kiểm tra viết là 180 phút.

b) Kiểm tra vấn đáp: Thí sinh trình bày nội dung, nêu cách giải quyết đối với yêu cầu công chứng cụ thể và trả lời các câu hỏi do Ban Chấm thi đặt ra.

***Phương án 2: 02 bài kiểm tra viết***

*a) Bài kiểm tra viết thứ nhất: Kiểm tra các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thông qua cách giải quyết đối với yêu cầu công chứng cụ thể. Thời gian của bài kiểm tra viết này là 180 phút.*

*b) Bài kiểm tra viết thứ hai: Soạn thảo một văn bản công chứng cụ thể, hoàn chỉnh để giải quyết một tình huống yêu cầu công chứng. Thời gian của bài kiểm tra viết này là 90 phút.*

***Phương án 3: Kiểm tra viết và kiểm tra trắc nghiệm***

*a) Bài kiểm tra viết: Kiểm tra các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thông qua cách giải quyết đối với yêu cầu công chứng cụ thể. Thời gian kiểm tra viết là 180 phút.*

*b) Kiểm tra trắc nghiệm: Thí sinh chọn đáp án trả lời cho các câu hỏi về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.*

***Phương án 4:***

*Bộ Tư pháp dự kiến hình thức kiểm tra và thông báo cho các Sở Tư pháp chậm nhất 2 tháng trước ngày tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.*

**Điều 17. Đăng ký tham dự kiểm tra**

1. Người được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng ***bao gồm***:

a) Người đã *hoàn thành tập sự theo quy định của Thông tư này;*

b) Người không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước;

*c) Người có Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng hết hiệu lực*.

*2. Những người sau đây không được đăng ký tham dự kiểm tra:*

*a) Không đủ điều kiện tập sự mà vẫn tập sự hoặc không đủ điều kiện tập sự lại mà vẫn tập sự lại;*

*b) Có hành vi gian dối trong hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra;*

*c)* Không đạt yêu cầu trong ba kỳ kiểm tra kết quả tập sự *mà chưa tập sự lại.*

3. *Khi có thông báo của Bộ Tư pháp về việc tổ chức kỳ kiểm tra* *kết quả tập sự hành nghề công chứng, người đăng ký tham dự kiểm tra nộp hồ sơ* đăng ký tham dự kiểm tra được nộp *trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến* Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây (*áp dụng cho cả trường hợp đăng ký tham dự kiểm tra lần đầu và các lần sau*):

a) Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02);

b) *Quyết định công nhận hoàn thành tập sự;*

*c)* Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng;

*d) Giấy tờ chứng minh đã nộp phí đăng ký tham dự kiểm tra.*

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp *có* văn bản *đề nghị cho tham dự kiểm tra gửi Bộ Tư pháp kèm theo hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra;* trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

*Căn cứ đề nghị của Sở Tư pháp và hồ sơ kèm theo, Hội đồng kiểm tra xem xét, thông báo danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra theo quy định của Thông tư này; người không đủ điều kiện tham dự kiểm tra không được trả lại hồ sơ và phí tham dự kiểm tra đã nộp.*

**Điều 18. *Trách nhiệm* tổ chức kiểm tra**

1. Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

*Căn cứ số lượng người hoàn thành tập sự hành nghề công chứng và yêu cầu phát triển đội ngũ công chứng viên,* Bộ Tư pháp dự kiến thời gian và kế hoạch *tổ chức kỳ* kiểm tra *và* thông báo cho các Sở Tư pháp, *đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp chậm nhất là 02 tháng trước ngày tổ chức kỳ kiểm tra.*

*2. Các Sở Tư pháp có trách nhiệm triển khai kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng của Bộ Tư pháp trong phạm vi địa phương mình để bảo đảm quyền lợi của người đủ điều kiện đăng ký tham dự kiểm tra.*

**Điều 19. Hội đồng kiểm tra**

1. Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là Hội đồng kiểm tra) do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra *làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng kiểm tra* được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này.

2. *Thành phần* Hội đồng kiểm tra gồm có:

a) Thứ trưởng Bộ Tư pháp phụ trách lĩnh vực công chứng là Chủ tịch Hội đồng;

b) Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp *là Phó Chủ tịch Hội đồng;*

c) *Đại diện Học viện Tư pháp, đại diện Hiệp hội công chứng viên Việt Nam, một số Hội công chứng viên và công chứng viên* có uy tín và kinh nghiệm hành nghề *do Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp đề nghị là thành viên Hội đồng.*

3. Giúp việc cho Hội đồng kiểm tra có Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm thi và Ban Phúc tra (sau đây gọi là các Ban của Hội đồng kiểm tra). *Số lượng, thành phần của các Ban do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định*..

*4. Người có vợ hoặc chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ đẻ của vợ hoặc chồng, con đẻ, anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng tham dự kỳ kiểm tra thì không được tham gia Hội đồng kiểm tra và các Ban của Hội đồng kiểm tra. Trong trường hợp đã tham gia mới phát hiện thuộc các trường hợp này thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra để thay đổi thành viên.*

**Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra**

*1. Hội đồng kiểm tra có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

a) *Ban hành* Kế hoạch *tổ chức kỳ* kiểm tra *và quyết định các nội dung điều chỉnh Kế hoạch trong trường hợp cần thiết*;.

b) Thành lập các Ban của Hội đồng kiểm tra;.

c) Ban hành nội quy kỳ kiểm tra *và các tài liệu hướng dẫn (nếu cần thiết)*.

d) Quyết định danh sách thí sinh *đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra* và thông báo cho các Sở Tư pháp có người *đăng ký* tham dự kiểm tra, *đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp chậm nhất là 30 ngày* trước ngày tổ chức kiểm tra; *trong trường hợp cần thiết có thể tiến hành xác minh hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra;*

đ) Tổ chức kiểm tra, chấm điểm kiểm tra, phúc tra bài kiểm tra, *công bố kết quả cho các Sở Tư pháp nơi có thí sinh tham dự kiểm tra*;

*e) Công nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng;*

*g) Hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng của thí sinh khi có căn cứ cho rằng thí sinh đó thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng mà vẫn tập sự, không đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra hoặc có hành vi gian dối, vi phạm khác làm thay đổi kết quả tập sự, kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng;*

*h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ kiểm tra;*

i) Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức và kết quả của kỳ kiểm tra.

*k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Thông tư này.*

2. *Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng của thí sinh thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều này trên cơ sở đề xuất của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp trong trường hợp Hội đồng kiểm tra đã giải thể.*

**Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng kiểm tra**

1. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra quy định tại Điều 20 của Thông tư này; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra;

b) Phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng kiểm tra;

c) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng kiểm tra;

d) Quyết định đề kiểm tra;

đ) Quy định, hướng dẫn về cách thức và thang điểm chấm điểm kiểm tra; tổ chức chấm điểm bài kiểm tra viết, lên điểm bài kiểm tra, phúc tra;

e) Chịu trách nhiệm quản lý bài kiểm tra an toàn; quản lý kết quả kiểm tra và các tài liệu khác có liên quan;

g) Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy kỳ kiểm tra theo thẩm quyền;

h) Cấp giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra cho các thí sinh đạt yêu cầu; *thu hồi Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra trong trường hợp kết quả kiểm tra bị hủy bỏ theo quy định của Thông tư này.*

*Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp. Trong thời hạn này người được cấp Giấy chứng nhận không đề nghị bổ nhiệm công chứng viên và đăng ký hành nghề công chứng thì Giấy chứng nhận hết hiệu lực, người hoàn thành tập sự muốn bổ nhiệm công chứng viên phải đăng ký tham dự kiểm tra lại theo quy định của Thông tư này.*

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Các thành viên khác trong Hội đồng kiểm tra thực hiện công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

**Điều 22. Ban Giám sát**

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Ban Giám sát theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp. Ban Giám sát gồm Trưởng Ban và từ 01 (một) đến 02 (hai) hai thành viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát:

a) Giám sát việc tổ chức kiểm tra;

b) Phát hiện và kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm các quy định về kiểm tra;

c) Đề nghị Hội đồng kiểm tra có biện pháp bảo đảm kỳ kiểm tra diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy định của Thông tư này.

3. Nội dung giám sát:

a) Giám sát việc thực hiện các quy định về kiểm tra, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng kiểm tra và các Ban của Hội đồng kiểm tra;

b) Giám sát việc tổ chức thực hiện kỳ kiểm tra;

c) Giám sát việc thực hiện các quy định của Hội đồng kiểm tra và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về kiểm tra.

4. Ban Giám sát chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hoạt động giám sát của mình và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp về kết quả giám sát sau mỗi kỳ kiểm tra.

**Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng kiểm tra**

*1. Ban Đề thi có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

*a) Tổ chức soạn thảo, thẩm định, chỉnh lý đề kiểm tra;*

*b) Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của đề chính thức và đề dự bị;*

*c) In sao đề kiểm tra đúng quy định, đủ số lượng theo yêu cầu của Hội đồng kiểm tra;*

*d) Đóng gói, niêm phong, bảo quản đề kiểm tra, bàn giao đề kiểm tra gốc và đề kiểm tra cho Hội đồng kiểm tra;*

*đ) Bảo đảm tuyệt đối bí mật, an toàn cho đề kiểm tra, hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm từ lúc bắt đầu soạn thảo đề kiểm tra cho đến hết thời gian chấm điểm kỳ kiểm tra.*

*Thành viên của Ban Đề thi làm việc độc lập và trực tiếp với Trưởng Ban Đề thi; mỗi thành viên của Ban Đề thi phải chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung của đề thi và bảo đảm bí mật, an toàn đề thi theo đúng chức trách của mình và theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.*

*2. Ban Phách có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

*a) Nhận bài kiểm tra được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong từ Ban Thư ký;*

*b) Làm phách, bảo mật số phách bài kiểm tra;*

*c) Niêm phong và bảo quản đầu phách theo chế độ mật trong suốt thời gian chấm kiểm tra cho đến khi hoàn thành chấm kiểm tra;*

*d) Bàn giao bài kiểm tra đã làm phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Phách cho Ban Thư ký;*

*đ) Bàn giao đầu phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Phách cho Hội đồng kiểm tra sau khi việc chấm kiểm tra đã hoàn thành;*

*e) Thực hiện việc ghép phách, lên điểm kiểm tra.*

*Ban Phách làm việc độc lập với các Ban giúp việc khác của Hội đồng kiểm tra theo sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra; chỉ được thực hiện nhiệm vụ khi có mặt của Đoàn Kiểm tra, Ban Giám sát và Trưởng Ban Phách; những người trong Ban Phách không được là thành viên của Ban Chấm thi viết và Ban Phúc tra.*

*3. Ban Chấm thi có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

*a) Lập kế hoạch chấm kiểm tra, tổ chức giao nhận bài kiểm tra và phân công giám khảo chấm thi viết;*

*b) Trước khi chấm, tổ chức cho giám khảo chấm thi viết thảo luận, nắm vững hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm;*

*c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng kiểm tra thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm kiểm tra đối với giám khảo chấm thi viết thiếu trách nhiệm, chấm thi sai sót nhiều hoặc vi phạm quy chế kiểm tra;*

*d) Có trách nhiệm kiểm tra, xác minh khi có bất thường xảy ra; xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình chấm thi viết và kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra;*

*đ) Quản lý bài kiểm tra viết, phiếu điểm, biên bản được lập trong quá trình chấm thi viết; bảo mật thông tin liên quan đến kết quả chấm;*

*e) Sau khi chấm xong, tổ chức bàn giao bài kiểm tra viết cho Ban Thư ký và bàn giao kết quả kiểm tra cho Hội đồng kiểm tra.*

*4. Ban Phúc tra có nhiệm vụ kiểm tra các sai sót trong việc cộng điểm, ghi điểm bài kiểm tra; kiểm tra, rà soát các lỗi kỹ thuật; chấm lại các bài kiểm tra theo đề nghị của thí sinh; trình Chủ tịch Hội đồng kiểm tra ký phê duyệt điểm bài kiểm tra sau khi đã chấm phúc tra.*

*5. Quy trình ra đề và bảo mật đề kiểm tra viết, in sao, vận chuyển, bàn giao đề kiểm tra viết, sử dụng và bảo quản để kiểm tra viết; phương thức làm phách, bàn giao bài kiểm tra đã làm phách và những nội dung khác liên quan đến việc kiểm tra được thực hiện theo quy định hiện hành về Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.*

*6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban giúp việc khác do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quy định.*

**Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của thí sinh tham dự kiểm tra**

*1. Tham dự kỳ kiểm tra theo đúng thời gian, địa điểm đã được thông báo.*

2. Tuân thủ nội quy kỳ kiểm tra *và các quyết định, thông báo* của Hội đồng kiểm tra; *chịu các hình thức* xử lý vi phạm theo quy định Thông tư này và nội quy kỳ kiểm tra.

*4*. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 25. Chấm điểm kiểm tra**

1. Mỗi bài kiểm tra do hai thành viên Ban Chấm thi chấm và cho điểm độc lập*; việc chấm điểm được thực hiện theo hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của Hội đồng kiểm tra;* các bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 100.

Điểm của mỗi bài kiểm tra là trung bình cộng điểm mà hai thành viên chấm thi đã chấm. Trong trường hợp hai thành viên chấm thi viết cho điểm chênh lệch nhau từ 20 điểm trở lên thì Trưởng Ban Chấm thi tổ chức chấm lần thứ ba vào bài kiểm tra của thí sinh; điểm chấm lần này là điểm chính thức của bài kiểm tra. Trong trường hợp hai thành viên chấm thi vấn đáp cho điểm chênh lệch nhau từ 20 điểm trở lên thì phải trao đổi trực tiếp để thống nhất về điểm dưới sự giám sát của Trưởng Ban Chấm thi; trường hợp không thống nhất được về điểm thì Trưởng Ban Chấm thi quyết định điểm thi vấn đáp chính thức.

2. Thí sinh đạt yêu cầu kỳ kiểm tra phải có số điểm mỗi bài kiểm tra đạt từ 50 điểm trở lên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc việc chấm điểm kiểm tra, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho Sở Tư pháp và Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập) của địa phương nơi có người tham dự kỳ kiểm tra, đồng thời gửi kết quả kiểm tra cho Cục Bổ trợ tư pháp để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

**Điều 26. Quản lý bài kiểm tra và kết quả kiểm tra**

1. Bài kiểm tra viết và kết quả kiểm tra vấn đáp phải được niêm phong ngay sau khi kết thúc kiểm tra; phách, điểm kiểm tra và các tài liệu liên quan phải được niêm phong vào cuối mỗi ngày làm việc và ngay sau khi kết thúc việc đánh mã phách, ghi phách, rọc phách, ghép phách, chấm điểm bài kiểm tra viết, lên điểm bài kiểm tra.

2. Bài kiểm tra và kết quả kiểm tra được lưu giữ tại Bộ Tư pháp trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày tổ chức kiểm tra.

**Điều 27. Phúc tra bài kiểm tra**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết quả kiểm tra được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra viết của mình có quyền làm đơn phúc tra gửi Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

*Không phúc tra bài kiểm tra vấn đáp (trong trường hợp hình thức kiểm tra có bài kiểm tra vấn đáp).*

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn *nhận đơn phúc tra*, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập Ban Phúc tra. Ban Phúc tra gồm Trưởng ban và ít nhất 02 (hai) thành viên. Các thành viên trong *Ban Phách và* Ban Chấm thi không được là thành viên của Ban Phúc tra.

3. Việc chấm điểm phúc tra được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này. Kết quả phúc tra phải được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra phê duyệt và là kết quả cuối cùng.

**Chương IV**

**QUẢN LÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

**Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Bổ trợ tư pháp và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp**

1. Cục Bổ trợ tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật về công chứng, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc liên quan đến việc thực hiện Thông tư này;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về tập sự hành nghề công chứng theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất trong trường hợp cần thiết.

Đối tượng kiểm tra là Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, Người tập sự và công chứng viên hướng dẫn tập sự. Nội dung kiểm tra bao gồm việc đăng ký tập sự; việc quản lý tập sự; việc đề nghị kiểm tra kết quả tập sự, đề nghị bổ nhiệm công chứng viên và các vấn đề khác có liên quan đến việc tập sự.

Thời gian và nội dung kiểm tra phải được thông báo cho đối tượng kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi tiến hành kiểm tra;

c) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này;

d) Thanh tra; xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật;

*Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp cung cấp nhật ký tập sự, tự mình hoặc đề nghị Sở Tư pháp xác minh, làm rõ việc tập sự của người tập sự.*

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Thanh tra Bộ, Học viện Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình liên quan đến việc tập sự hành nghề công chứng và phối hợp với Cục Bổ trợ tư pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chỉ định tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện tại địa phương nhận người tập sự; xem xét việc từ chối nhận tập sự của tổ chức hành nghề công chứng, *từ chối hướng dẫn tập sự* *của công chứng viên* theo quy định của Thông tư này.

2. Đăng ký tập sự, quyết định chấm dứt tập sự, *quyết định công nhận hoàn thành tập sự* theo quy định của Thông tư này.

3. Lập và đăng tải Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp, tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự tại địa phương trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và thường xuyên rà soát, cập nhật các danh sách này; *đăng tải đầy đủ, kịp thời thông tin về người tập sự trên phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng của Bộ Tư pháp;*lập Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-05).

4. Kiểm tra, *giám sát* việc *tập sự của người tập sự, việc hướng dẫn tập sự của công chứng viên và việc nhận tập sự của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.*

5. *Thẩm tra hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng; chịu trách nhiệm về các hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra.*

*6.* Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật.

*7*. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên**

1. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị liên quan đến tập sự hành nghề công chứng của người tập sự, công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự với cơ quan quản lý nhà nước về công chứng.

2. Giám sát tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, công chứng viên hướng dẫn tập sự và người tập sự trong quá trình tập sự; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật.

3. Hoà giải các mâu thuẫn phát sinh giữa người tập sự với công chứng viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

4. Tham gia tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Chương V**

**XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

**Điều 32. Xử lý vi phạm đối với việc tập sự hành nghề công chứng**

1. Người tập sự vi phạm quy định của Thông tư này, đã được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự nhắc nhở, yêu cầu sửa chữa mà vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị tổ chức hành nghề công chứng đó đề nghị Sở Tư pháp xóa tên khỏi Danh sách Người tập sự của Sở Tư pháp.

*Người đã được đăng ký tập sự hành nghề công chứng nhưng sau đó không tập sự hoặc tự chấm dứt mà tổ chức hành nghề không báo cáo Sở Tư pháp thì Sở Tư pháp kiểm tra, xác minh và quyết định chấm dứt tập sự đối với người đó.*

*Người đang tập sự hành nghề công chứng mà bị phát hiện không đủ điều kiện tập sự thì phải chấm dứt tập sự và không được công nhận thời gian đã tập sự. Người đã hoàn thành thời gian tập sự mà bị phát hiện không đủ điều kiện tập sự thì không được công nhận thời gian đã tập sự; trường hợp đã được công nhận hoàn thành tập sự thì bị hủy kết quả đó.*

2. Công chứng viên vi phạm quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử lý theo quy định của Luật Công chứng *và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.*

3. Tổ chức hành nghề công chứng *có tên trong danh sách* *đủ điều kiện nhận tập sự mà từ chối nhận tập sự không có lý do chính đáng,* vi phạm quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu hình thức xử lý theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều 33. Xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng kiểm tra, các Ban của Hội đồng kiểm tra và Ban Giám sát**

Thành viên Hội đồng kiểm tra, các Ban của Hội đồng kiểm tra và Ban Giám sát có hành vi vi phạm quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 34. Khiếu nại về tập sự hành nghề công chứng và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng**

1. Người tập sự, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng có quyền khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp, người có thẩm quyền của Sở Tư pháp khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, người tham dự kiểm tra có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Hội đồng kiểm tra, thành viên Hội đồng kiểm tra, thành viên các Ban của Hội đồng kiểm tra khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Trong trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản này mà không được giải quyết khiếu nại hoặc không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra hoặc Hội đồng kiểm tra đã giải thể thì người tham dự kiểm tra có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là quyết định cuối cùng.

**Điều 35. Tố cáo về tập sự hành nghề công chứng**

Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về các hành vi vi phạm quy định về tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Luật công chứng, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Người đã hoàn thành tập sự trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì được công nhận kết quả tập sự và không phải tham dự kiểm tra kết quả tập sự theo quy định của Thông tư này.

*2. Người chưa hoàn thành tập sự theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng tính đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được công nhận thời gian đã tập sự, được tiếp tục tập sự theo quy định của Thông tư này.*

*3. Người đã hoàn thành tập sự theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP thì được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo quy định của Thông tư này.*

**Điều 37. Hiệu lực thi hành**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.*

*Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân dân tối cao;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Bộ Tư pháp: Các Thứ trưởng, Văn phòng Bộ, Vụ TCCB, Vụ CVĐCVXDPL; Cục KTVBQPPL, Học viện Tư pháp;  - UBND, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Hiệp hội công chứng viên Việt Nam;  - Công báo; Website Chính phủ;  - Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, Cục BTTP. | **BỘ TRƯỞNG**    **Lê Thành Long** |